TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2026
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Thạch.
2. Bà Phạm Thị Kim Lan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 222/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc: "*Ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1972 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: A, ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị Minh H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: A, ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 11/3/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày: Ông M và bà Ngô Thị Minh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc đến mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thông cảm, không hiểu nhau. Từ khi mâu thuẫn xảy ra thì bản thân ông M và bà H, cũng như gia đình hai bên có nhiều lần nói chuyện để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Ông M và bà H đã sống ly thân hơn một năm nay. Trong thời gian ly thân, ông và bà H mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1993 đã tành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị Minh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Hoàng M khởi kiện bà Ngô Thị Minh H yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Ngô Thị Minh H là bị đơn cư trú tại xã G, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Ngô Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà H là phù hợp.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng M và bà Ngô Thị Minh H trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2001. Xét thấy, hôn nhân của ông M và bà H đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông M và bà H phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc ông M xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp nhau, có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống; ông bà đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không thành; vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời ông M và bà H đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ bà H không có

thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với ông M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: ông M và bà H là vợ chồng nhưng ông bà không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà ông bà lại bỏ mặc nhau, nên ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1993 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cũng không có văn bản trình bày là bà và ông M có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông M phải chịu do ông M yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M đối với bị đơn bà Ngô Thị Minh H về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng M được ly hôn với bà Ngô Thị Minh H.

1.2. Về con chung: có một con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1993 đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng M trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0004630 ngày 16 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Hoàng M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng M và bà Ngô Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 5 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Giao Long;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thị Cẩm Trang